

**PHỤ LỤC 3**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY**  
**BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ NAM**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2758/QĐ -UBND ngày 30 tháng 12*  
*năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)*

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

<b>STT</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực đất đai</b>
1	Thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn (cấp xã).

## **PHẦN II. NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ NAM**

### **I. LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI**

#### **1. Thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn (cấp xã)**

##### ***1. Trình tự thực hiện:***

- Người có đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai gửi đơn đến Chủ tịch UBND cấp xã (*gửi qua bưu điện hoặc trực tiếp tại trụ sở tiếp dân cấp xã*)

- Sau khi nhận được đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao trách nhiệm cho cán bộ chuyên môn tham mưu để hòa giải gồm:

- Tham mưu trình Chủ tịch UBND cấp xã ban hành Quyết định Thành lập Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai của xã, phường, thị trấn (*theo mẫu 02*)

- Thu thập tài liệu hồ sơ địa chính qua các thời kỳ liên quan đến diện tích đất tranh chấp (*trích lục bản đồ; sổ mục kê; sổ địa chính; sổ cấp GCNQS đất*) và các tài liệu hồ sơ liên quan đến nguồn gốc, quá trình sử dụng thửa đất tranh chấp,

- Làm việc với các bên tranh chấp và người có liên quan (có biên bản);

- Kiểm tra hiện trạng đất tranh chấp (có biên bản);

- Nếu cần thiết thì tổ chức cuộc họp các ban, ngành có liên quan để tư vấn giải quyết tranh chấp đất đai (có biên bản);

- Tổ chức cuộc họp để hòa giải tranh chấp đất đai gồm Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai của xã, phường, thị trấn và các bên tranh chấp đất đai, (có biên bản).

- Đơn vị được phân công giải quyết tiến hành thu thập, nghiên cứu hồ sơ; thành lập tổ công tác để tiến hành thẩm tra, xác minh vụ việc tại cấp xã; tổ chức hòa giải giữa các bên tranh chấp; hoàn chỉnh hồ sơ trình Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai.

- Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai hoặc quyết định công nhận hòa giải thành được gửi cho các bên tranh chấp, các tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan.

##### ***2. Cách thức thực hiện:***

Người có đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai gửi đơn đến Chủ tịch UBND cấp xã

### **3. Thành phần hồ sơ:**

#### **a. Thành phần:**

Đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai.

#### **b. Hồ sơ: 01 bộ**

### **4. Thời hạn giải quyết**

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian tối đa 03 ngày, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

- Thời hạn giải quyết: không quá 45 ngày.

### **5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân

### **6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp xã.

- Cơ quan trực tiếp giải quyết TTHC: Các cơ quan chức năng thuộc UBND cấp xã.

- Cơ quan phối hợp: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã; tổ trưởng tổ dân phố đối với khu vực đô thị; trưởng thôn, bản đối với khu vực nông thôn; đại diện của một số hộ dân sinh sống lâu đời tại xã, phường, thị trấn biết rõ về nguồn gốc và quá trình sử dụng đối với thửa đất đó; cán bộ địa chính, cán bộ tư pháp cấp xã. Tùy từng trường hợp cụ thể, có thể mời đại diện Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường.

### **7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Biên bản hòa giải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng hòa giải, các bên tranh chấp có mặt tại buổi hòa giải, các thành viên tham gia hòa giải (*có đóng dấu Ủy ban nhân dân cấp xã*) được gửi cho các bên tranh chấp và lưu tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

### **8. Lệ phí (nếu có): Không quy định.**

### **9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: không**

### **10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.**

### **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013, có hiệu lực ngày 01/7/2014;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, có hiệu lực ngày 01/7/2014;
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017, có hiệu lực ngày 03/3/2017;